

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-ST
Ngày: 19-11-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Tuyên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Th, sinh năm: 1961;

Địa chỉ:, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Th là bà Võ Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 23 Nguyễn Trung Trực, khu phố Bình Hòa, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021) (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 14/3/2020, bà Võ Thị Th có cho bà Nguyễn Thị Kim Ng vay

số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn trả nợ là 15 ngày tính từ ngày 14/3/2020. Ngày 03/6/2020, bà Ng lại tiếp tục vay của bà Th số tiền là 30.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất trong giấy, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả nợ là đến ngày 17/6/2020. Cả hai lần vay tiền này đều có lập thành giấy nợ có chữ ký của bà Ng. Tổng cộng số tiền bà Ng vay của bà Th là 60.000.000 đồng. Từ thời điểm vay tiền đến nay, bà Ng chưa trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho bà Th. Bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà Ng trả các khoản nợ nhưng bà Ng cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Ng nên bà Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà Ng phải trả tiền còn nợ. Theo đơn khởi kiện, bà Th có yêu cầu tính tiền lãi. Tại phiên tòa, bà đại diện theo ủy quyền của bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Ng trả tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Ng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà Th nhưng bà Ng không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập, lời trình của nguyên đơn tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Th khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Ng có nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo giấy lập ngày 14/3/2020 và ngày 03/6/2020. Theo xác minh của Công an xã Đức Tân thì bà Nguyễn Thị Kim Ng đang cư trú tại số nhà 498, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Từ khi thụ lý vụ kiện, Tòa án tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim Ng vẫn vắng mặt và Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Sau khi tiến hành các thủ tục niêm yết công khai như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Ng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Ng trả tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung của vụ án và yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Bà Th khởi kiện yêu cầu bà Ng trả số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà Th đã xuất trình chứng cứ là giấy nợ lập ngày 14/3/2020 và giấy mượn tiền ngày 03/6/2020 có chữ ký nhận, ghi rõ họ và tên của bà Ng. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là bà Ng không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà Th cung cấp là 02 giấy nhận nợ nêu trên. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Do bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy nợ lập ngày 14/3/2020 và giấy mượn tiền ngày 03/6/2020 nên bà Th khởi kiện yêu cầu bà Ng phải trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 60.000.000 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Ng có nghĩa vụ trả cho bà Th tổng cộng số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà Ng phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là bà Th không phải chi án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị Kim Ng.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Ng có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Th số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Buộc bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào Ng sách nhà nước.

3.2 Bà Võ Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.764.000 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) cho bà Võ Thị Th theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007049 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương